

Số: 174/BC-HĐND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 10 năm 2024

### **BÁO CÁO THẨM TRA**

**Dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện phân công của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn tại Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 04/10/2024 của UBND tỉnh. Kết quả thẩm tra như sau:

#### **1. Sự phù hợp của dự thảo nghị quyết với các quy định pháp luật**

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi là Nghị định số 20), HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (sau đây gọi là Nghị quyết số 20); trong đó, quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội là 360.000 đồng/tháng.

Ngày 01/7/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (sau đây gọi là Nghị định số 76). Theo đó, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76 quy định: “2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01/7/2024 là 500.000 đồng/tháng”. Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76 quy định:

“3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương đảm bảo, UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp quyết định:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn **cao hơn** mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”.

b) Đối tượng khó khăn khác chưa quy định tại Nghị định này được hưởng chính sách trợ giúp xã hội.”

Do đó, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20 là phù hợp với quy định và đúng thẩm quyền.

Về quy trình xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được UBND tỉnh thực hiện theo quy định; được các cơ quan thẩm định theo đúng trình tự ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

## 2. Về nội dung

### a) Bãi bỏ Điều 2 Nghị quyết số 20<sup>1</sup>

- Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76, HĐND tỉnh có thẩm quyền quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn trong trường hợp **cao hơn** mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định.

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Nghị định số 76; khả năng cân đối ngân sách tỉnh UBND tỉnh đã áp dụng mức chuẩn trợ giúp xã hội từ ngày 01/7/2024 là 500.000 đồng/tháng (*bằng mức quy định tại Nghị định số 76*) đối với các đối tượng bảo trợ đã được quy định cụ thể tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

Do đó, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh bãi bỏ Điều 2 Nghị quyết số 20 là phù hợp, Ban nhất trí với nội dung này.

- UBND tỉnh đề xuất quy định nội dung dẫn chiếu: “*Mức trợ giúp xã hội được thực hiện theo mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội*”.

Qua xem xét, Ban nhận thấy, tại Nghị quyết số 20 bên cạnh các đối tượng bảo trợ xã hội quy định tại Nghị định số 20, còn có các đối tượng khó khăn khác của tỉnh được hưởng chính sách trợ giúp xã hội. Việc UBND tỉnh đề xuất dẫn chiếu như trên để thuận lợi trong việc áp dụng mức trợ giúp xã hội đối với các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết số 20, do đó, Ban nhất trí với nội dung như đề nghị của UBND tỉnh.

### b) Về bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 20:

<sup>1</sup> Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội

1. Mức chuẩn trợ giúp xã hội: 360.000 đồng/tháng.

2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội là căn cứ xác định mức trợ cấp xã hội, mức hỗ trợ kinh phí nhận chăm sóc, nuôi dưỡng; mức trợ cấp nuôi dưỡng trong cơ sở trợ giúp xã hội và các mức trợ giúp xã hội khác.

Việc bổ sung khoản 3 Điều 8 như đề xuất sẽ đảm bảo linh hoạt trong tổ chức thực hiện nghị quyết, Ban nhất trí với nội dung như đề nghị của UBND tỉnh.

**c) Về dự thảo nghị quyết**

Đề nghị xem xét chỉnh sửa, bổ cục dự thảo Nghị quyết theo hướng quy định gồm 2 điều như dự thảo nghị quyết gửi kèm.

Trên đây là ý kiến thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh;
- Sở Lao động, Thương binh và Xã hội;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, HS.

**TM. BAN VĂN HÓA - XÃ HỘI  
TRƯỞNG BAN**



**Đông Thị Vân Thoa**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 10 năm 2024

### NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN KHÓA X, KỶ HỌP THỨ 23 (KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BLĐTBXH ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2022/NQHĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra số .../BC-BVHXXH ngày ... tháng 10 năm 2024 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội; mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau:**

1. Bãi bỏ Điều 2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội.

Mức trợ giúp xã hội được thực hiện theo mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

2. Bổ sung khoản 3 Điều 8 như sau:

*“3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế”.*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp thứ 23 thông qua ngày 31 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 11 năm 2024./.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Các Bộ: Lao động, Thương binh và Xã hội, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Pháp chế (Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội);
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT. Huyện (Thành ủy), HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, HS.

**CHỦ TỊCH**

**Phương Thị Thanh**